KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	10,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.4%	-	-

DT thuần — 2024: **1,497** tỷ VNĐ — YoY ▲ 101 ▲ 7.2%

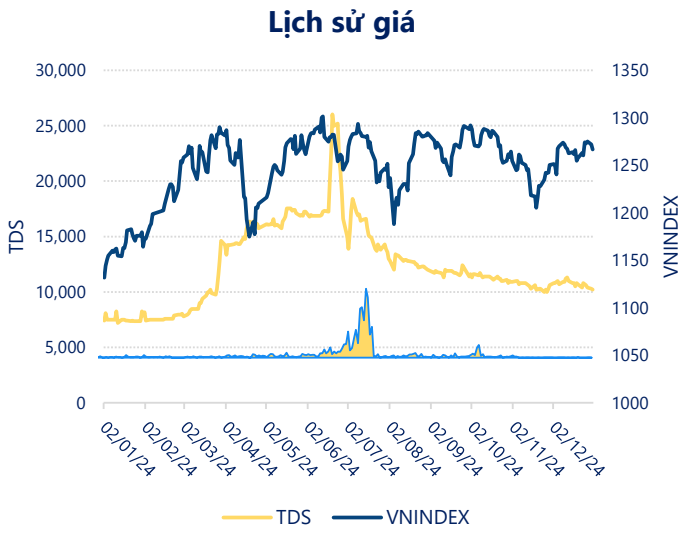
LN gộp — 2024: **40.0** tỷ VNĐ — YoY ▼ 8.30 ▼ 17.1%

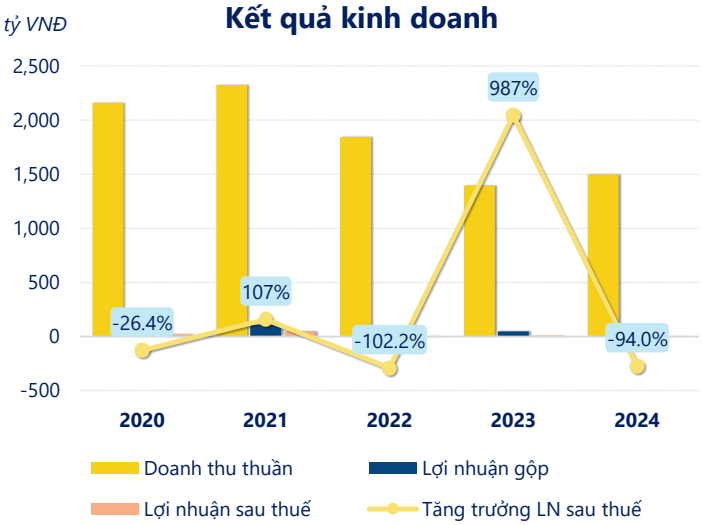
LN thuần — 2024: **-2.99** tỷ VNĐ — YoY ▼ 12.2 ▼ 132%

LN sau thuế — 2024: **0.52** tỷ VNĐ — YoY ▼ 8.09 ▼ 94.0%

ROE — 2024: **0.2%** — +/- YoY ▼ 2.7%

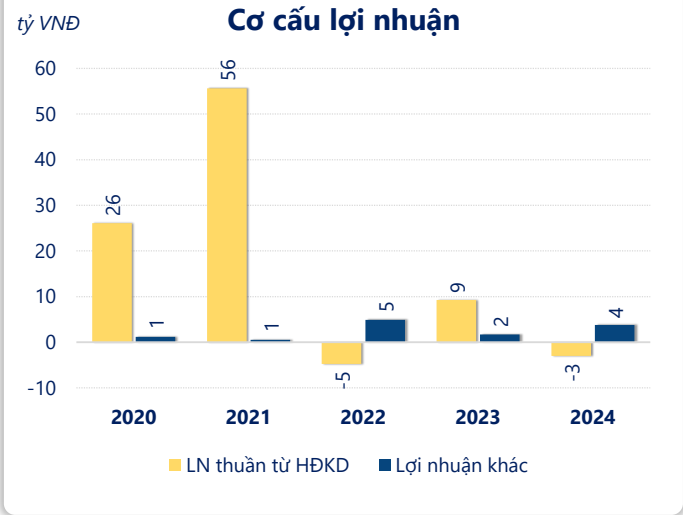
ROA — 2024: **0.1%** — +/- YoY ▼ 2.0%

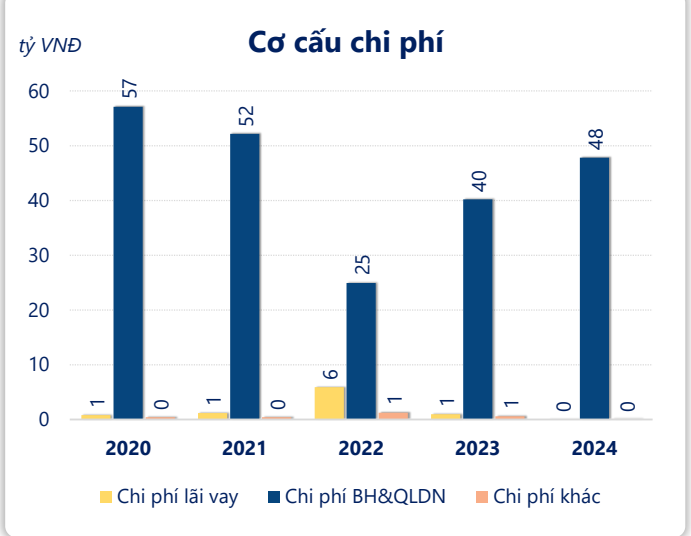




Kết quả kinh doanh **TDS** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,497** tỷ đồng **tăng 7.18%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 94.0%** chỉ còn **0.52** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **0.20%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

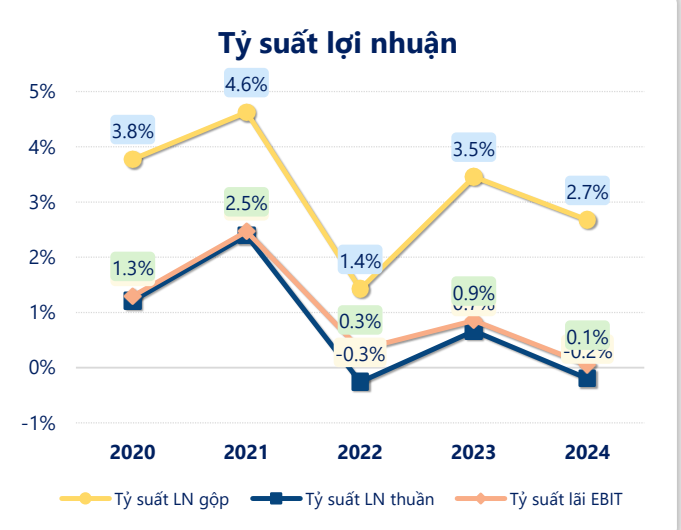


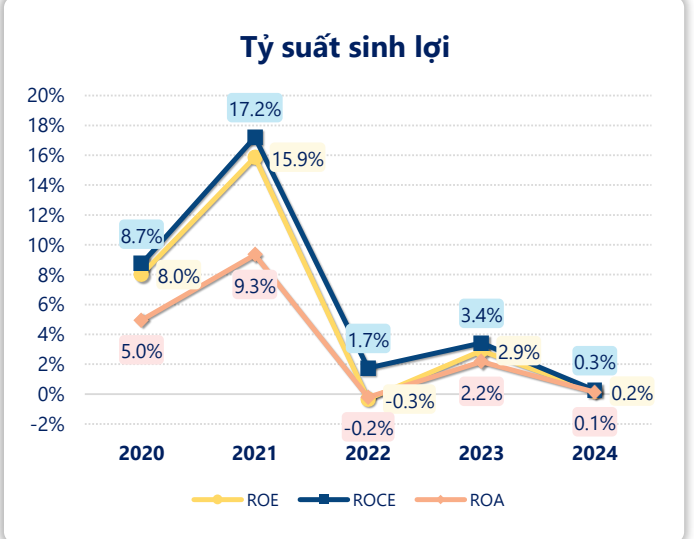


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **TDS** năm **2024 giảm đi 12.22** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 2.99 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2022** là 4.79 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

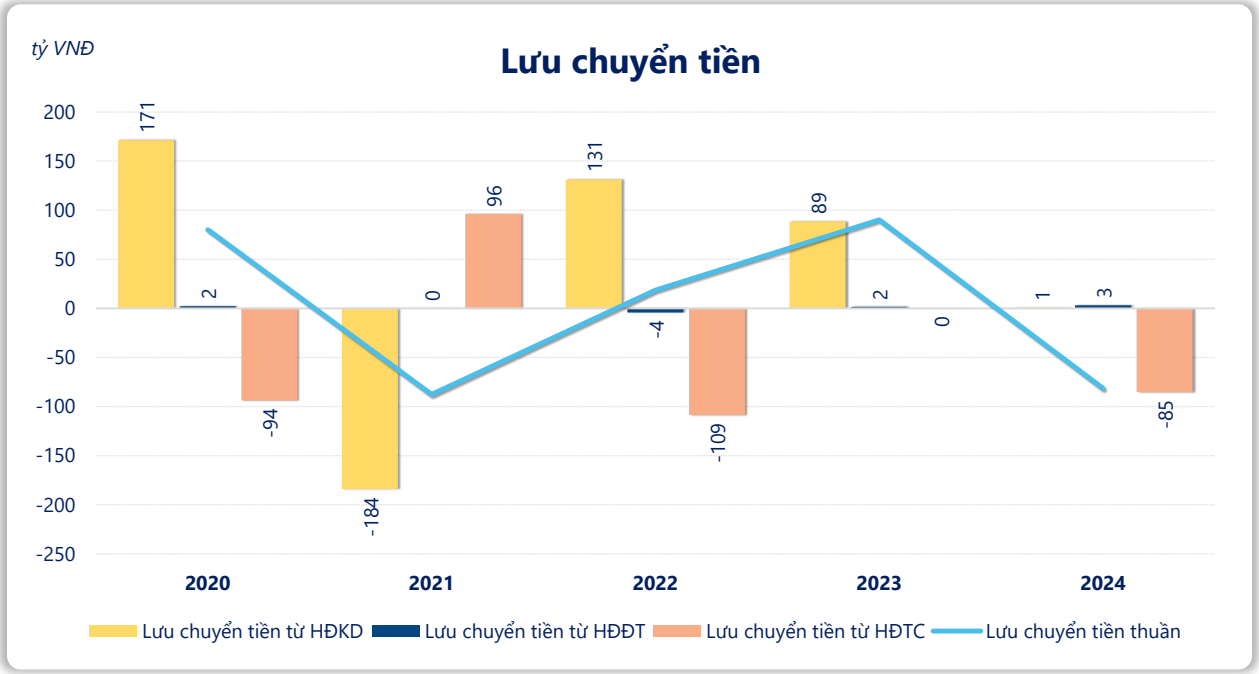
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **47.82** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.10** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TDS năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **0.20%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**2,161**	**2,324**	**1,843**	**1,396**	**1,497**
Giá vốn hàng bán	2,080	2,216	1,817	1,348	1,457
Lợi nhuận gộp	**81.6**	**107**	**26.3**	**48.3**	**40.0**
Doanh thu HĐTC	2.57	1.96	0.96	2.20	4.98
Chi phí TC	1.00	1.68	7.06	1.04	0.14
Chi phí lãi vay	**0.79**	**1.17**	**5.92**	**0.96**	**0.00**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.1	11.5	10.7	9.28	12.3
Chi phí QLDN	40.0	40.6	14.3	30.9	35.6
LN thuần từ HĐKD	**26.1**	**55.6**	**-4.79**	**9.24**	**-2.99**
Lợi nhuận khác	1.17	0.53	4.91	1.67	3.77
LN trước thuế	**27.2**	**56.2**	**0.12**	**10.9**	**0.79**
Lợi nhuận sau thuế	**21.6**	**44.8**	**-0.97**	**8.61**	**0.52**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.6**	**44.8**	**-0.97**	**8.61**	**0.52**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TDS bằng **-81.66** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (90.11 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **0.53** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **3.09** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-85.28** tỷ đồng.